

Số: 5031/QĐ-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo
trình độ chuyên khoa cấp II sau đại học

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc đảm bảo chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ CKI, CKII và BSNT;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Đơn vị liên quan và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

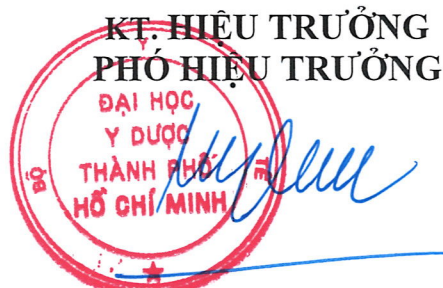
Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo cho 46 chuyên ngành đào tạo trình độ chuyên khoa cấp II của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, có chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Áp dụng chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo trong tổ chức đào tạo trình độ chuyên khoa cấp II sau đại học từ năm học 2025 – 2026 trở về sau.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng các đơn vị liên quan và học viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH_{NTM}.



Vương Thị Ngọc Lan

CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II
Chuyên ngành: Tai Mũi Họng (Thính học); Mã số: CK 62 72 53 01
(Kèm theo Quyết định số 5031/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 8 năm 2025)

PLO	Nội dung	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
1.	Vận dụng các nguyên lý về tin học, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Y đức xã hội, sinh học phân tử vào thực hành chăm sóc người bệnh, giảng dạy và nghiên cứu của chuyên ngành Tai Mũi Họng.	X	X	
2.	Thiết kế và triển khai đề tài nghiên cứu khoa học dựa trên y học chứng cứ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Tai, Thính học.	X	X	X
3.	Thể hiện tính chuyên nghiệp, tuân thủ các quy định, nguyên tắc đạo đức, học tập suốt đời trong hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.	X	X	X
4.	Vận dụng các kiến thức về bệnh học và điều trị trong chuyên ngành Tai, Thính học vào thực hành chăm sóc người bệnh, giảng dạy và nghiên cứu.	X		
5.	Ra quyết định chính xác trong chẩn đoán và điều trị các bệnh lý chuyên ngành Tai Mũi Họng dựa vào y học chứng cứ.		X	
6.	Thực hiện các thủ thuật/phẫu thuật phức tạp và chuyên sâu trong chuyên ngành Tai, Thính học.		X	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
Vương Thị Ngọc Lan

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II
Chuyên ngành: Tai Mũi Họng (Thính học); Mã số: CK 62 72 53 01
(Kèm theo Quyết định số 5031 /QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 8 năm 2025)

TT	Tên học phần	Số Tín chỉ	Số ĐVHT	Phân bố theo TC	
				Lý thuyết	Thực hành
I. CÁC MÔN CHUNG: 10 TC					
1.	Tin học nâng cao	2	3	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy	2	3	1	1
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	3	1	1
4.	Sinh học phân tử	2	3	2	0
5.	Y đức	2	3	2	0
II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 6 TC					
1.	Giải phẫu bệnh	3	4,5	1	2
2.	Chẩn đoán hình ảnh	3	4,5	1	2
III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 48 TC					
PHẦN HỌC PHẦN BẮT BUỘC: 36 TC					
1.	Bệnh học tai giữa	4	6	1	3
2.	Bệnh học tai trong	4	6	1	3
3.	Chấn thương trong Tai Mũi Họng	2	3	1	1
4.	Bệnh học sàn sọ	4	6	1	3
5.	Miễn dịch - dị ứng trong bệnh học mũi xoang	2	3	1	1
6.	Bệnh học họng thanh quản	4	6	1	3
7.	Tai Mũi Họng Nhi	4	6	1	3
8.	Ngưng thở khi ngủ do tắc nghẽn	4	6	1	3
9.	Ung thư đầu cổ	4	6	1	3
10.	Tạo hình đầu cổ	4	6	1	3
PHẦN HỌC PHẦN TỰ CHỌN: 12 TC (chọn 3 trong 6 học phần)					
11.	Phẫu thuật vi phẫu tai	4	6	1	3
12.	Phẫu thuật nội soi tai	4	6	1	3
13.	Phẫu thuật đáy sọ bên	4	6	1	3
14.	Rối loạn vòm nhĩ	4	6	1	3
15.	Thăm dò chức năng tiền đình	4	6	1	3
16.	Thăm dò chức năng thính giác	4	6	1	3
IV. LUẬN VĂN: 6 TC					

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
Vương Thị Ngọc Lan